

Bản án số: 01/2019/ HNGD-ST

Ngày: 25-01-2019

V/v “*Không công nhận vợ chồng và nuôi
con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH-TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thái

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2018/TLST-HNGD ngày 12 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1966. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã V, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-12-2018, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị G sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6/2010 thì bà G tự ý bỏ nhà đi không có trách nhiệm với gia đình nữa. Ông đã liên lạc và dùng nhiều biện pháp để khuyên bảo bà G về chung sống cùng nuôi dạy con chung, nhưng bà G không trở về nữa. Vì vậy

ông bà đã sống ly thân từ tháng 6/2010 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn bà Nguyễn Thị G.

Về nuôi con chung: Ông và bà Nguyễn Thị G có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/9/1995 và Nguyễn Thị Hương H, sinh ngày 25/5/2004. Hiện nay cháu Nguyễn Thị T đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Nguyễn Thị Hương H ông đang trực tiếp nuôi dưỡng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết để ông được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Ông không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà chung sống với ông Nguyễn Văn A như vợ chồng từ tháng 8/1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa ông A còn thường xuyên đánh đập bà. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 6/2010 cho đến nay, bà bỏ đi khỏi nhà không chung sống với ông A nữa và từ đây vợ chồng sống ly thân. Nay ông A xin ly hôn bà, bà đồng ý vì bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Bà và ông A có hai con chung như ông A trình bày là đúng, hiện nay cháu Nguyễn Thị T đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Nguyễn Thị Hương H, sinh ngày 25/5/2004, cháu đang ở cùng ông A, bà đề nghị tiếp tục giao cháu cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị G sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 131- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị G sẽ được giải quyết theo quy định tại điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Để không công nhận ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị G là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị G có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 05/9/1995 và Nguyễn Thị Hương H, sinh ngày 25/5/2004. Hiện nay cháu Nguyễn Thị T đã trưởng thành ông A, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông A, bà G thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Hương H cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con do ông A không yêu cầu. Thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cần chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] *Về chia tài sản và nợ chung*: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 Ngày 09/6/2000; Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị G là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Hương H, sinh ngày 25/5/2004 cho ông Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Bà G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001819 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận ông A đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Sơn